

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhã Nam,
huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của UBND huyện Tân Yên tại Tờ trình số 1609/TTr-UBND ngày 22/11/2012; Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 198/BC-SXD ngày 29 tháng 11 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5000), với nội dung sau:

1. Phạm vi và ranh giới:

a) Vị trí, ranh giới nghiên cứu:

Thị trấn Nhã Nam nằm ở phía Tây Bắc huyện Tân Yên, phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Nhã Nam và thị trấn Nhã Nam. Ranh giới nghiên cứu quy hoạch được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc: Giáp xã Tân Hiệp và An Thượng (huyện Yên Thế);

+ Phía Nam: Giáp xã Liên Sơn, An Dương và Tân Trung;

+ Phía Đông: Giáp xã Tân Trung;

+ Phía Tây: Giáp xã Lan Giới, Quang Tiến và An Dương.

Tổng diện tích lập quy hoạch là 558,06ha bao gồm toàn bộ thị trấn Nhã Nam (diện tích 127,16ha) và xã Nhã Nam (diện tích 430,9ha).

2. Tính chất:

Là trung tâm kinh tế và đầu mối giao thông của tiểu vùng phía Tây Bắc huyện Tân Yên và tiểu vùng phía Nam huyện Yên Thế

3. Quy mô dân số:

- Giai đoạn đến năm 2020: khoảng 9.000 người;

- Giai đoạn đến năm 2030: khoảng 13.000 người.

4. Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030:

STT	DANH MỤC ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
A	Đất dân dụng	269,88	48,36
1	Đất ở	164,1	29,41
1.1	Đất ở hiện trạng	119,6	21,43
	+Đất ở đô thị	30	
	+Đất ở nông thôn	89,6	
1.2	Đất ở mới	44,5	7,97
2	Đất công cộng	13,41	2,40
3	Đất cây xanh công viên hồ nước, cây xanh cách ly, TDTT	15,98	2,86
4	Đất cơ quan	2,32	0,42
5	Đất giáo dục	7,54	1,35
6	Đất giao thông đô thị	65	11,65
7	Đất y tế	1,53	0,27
B	Đất ngoài khu dân dụng	88,8	15,91
1	Đất công nghiệp - TTCN	4	0,72
2	Đất công trình di tích lịch sử tôn giáo	1	0,18
3	Đất giao thông đối ngoại	45	8,06
4	Đất cụm dịch vụ thương mại	13,8	2,47
5	Đất du lịch sinh thái	17	3,05
6	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (Bến xe, công trình thủy lợi, trạm điện, bãi rác, trạm xử lý nước thải, trạm cấp nước...)	3,4	0,61
7	Đất nghĩa trang	4,6	0,82
C	Đất nông nghiệp	199,38	35,73
	Đất trồng lúa, hoa màu, đất vườn, đất lâm nghiệp, đất kênh mương thủy lợi	199,38	35,73
	Tổng	558,06	100,00

5. Định hướng phát triển không gian:

Đô thị phát triển mở rộng từ trung tâm thị trấn Nhã Nam hiện nay về phía Đông, Tây và Nam, khai thác tối đa lợi thế đường tỉnh 294 và đường tỉnh 398; khu vực phía Bắc duy trì phát triển nông nghiệp và chỉnh trang làng xóm hiện có.

- Từ khu vực trung tâm thị trấn Nhã Nam hiện nay sẽ phát triển mạng lưới giao thông mới theo mạng ô bàn cờ kết nối từ các trục đường giao thông hiện có của đô thị và nối với đường tỉnh 294 và đường tỉnh 398; xây dựng 3 tuyến đường tránh đi vào trung tâm thị trấn. Một tuyến đi phía Đông, một tuyến đi phía Tây và một tuyến đi phía Bắc;

- Xây dựng mới trụ sở UBND thị trấn về phía Bắc thị trấn, cạnh trường trung học cơ sở Nhã Nam nằm trong quần thể các công trình công cộng, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, cây xanh mặt nước tạo điểm nhấn bộ mặt kiến trúc đô thị;

- Chợ thị trấn Nhã Nam ổn định tại vị trí hiện nay nhưng di dời Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để mở rộng diện tích của chợ;
- Toàn đô thị sẽ xây dựng 2 công viên vui chơi giải trí 01 công viên nằm phía Bắc gần với trung tâm thể thao và 01 công viên nằm phía Nam;
- Bến xe khách hiện nay do vị trí nằm trong trung tâm thị trấn, diện tích đất nhỏ, trong tương lai sẽ di chuyển xuống phía Nam có diện tích rộng hơn; vị trí bến xe hiện nay sẽ được chuyển thành công trình công cộng;
- Khu dân cư hiện có cơ bản giữ nguyên, tiến hành cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và môi trường cảnh quan;
- Các khu dân cư mới, chủ yếu phát triển về các phía Nam và phía Đông của thị trấn. Trong khu dân cư sẽ bố trí công trình dịch vụ, thương mại, nhà văn hoá, trường mầm non, vườn hoa gần với công trình thể dục thể thao...;
- Khu vực phía Bắc và phía Tây cơ bản duy trì đất nông nghiệp và các khu dân cư nông thôn để ổn định nghề nghiệp và cuộc sống của người dân;
- Tuyến kênh tưới N5 được ổn định, xây dựng tuyến đường giao thông hai bên để bảo vệ đồng thời hỗ trợ giao thông cho đô thị.

6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a) *Giao thông*: Đề án quy hoạch có các tuyến giao thông chính như sau:

* *Giao thông đối ngoại*:

- Đường tỉnh 398 qua thị trấn thiết kế với mặt cắt là 26,0m, trong đó: Lòng đường 14,0m, hè đường 2 bên 6,0m x 2 = 12,0m;

- Đường tỉnh 294 qua thị trấn thiết kế với mặt cắt là 22,5m, trong đó: Lòng đường 10,5m, hè đường 2 bên 6,0m x 2 = 12,0m.

* *Giao thông đô thị*:

- *Đường chính đô thị*: Tuyến có mặt cắt 1-1 là 32,0m, trong đó: Lòng đường 9,0m x 2 = 18,0m, dải phân cách rộng 2,0m, hè đường 2 bên 6,0m x 2 = 12,0m.

- *Đường chính khu vực*:

+ Tuyến có mặt cắt 2-2 là 25,0m, trong đó: Lòng đường 15,0m, hè đường 2 bên 5,0m x 2 = 10,0m;

+ Tuyến có mặt cắt 3-3 là 22,0m, trong đó: Lòng đường 12,0m, hè đường 2 bên 5,0m x 2 = 10,0m;

+ Tuyến có mặt cắt 5-5 là 22,5m, trong đó: Lòng đường 10,5m, hè đường 2 bên 6,0m x 2 = 12,0m.

- *Đường khu vực*: Tuyến có mặt cắt 6-6 (tuyến đường kết hợp với kênh tưới N5) là 47,0m-51,0m, trong đó: Lòng kênh rộng 16,0m-20,0m, lòng đường 7,5m x 2=15,0m, hè đường bên sườn kênh là 3,0m x 2 = 6m, hè đường bên đô thị là 5,0m x 2=10m;

b) *San nền*:

- Khu vực cải tạo giữ nguyên cao độ nền hiện trạng;

- Những khu vực bị ngập úng phía Đông Nam thị trấn sẽ tôn tạo nền, để đảm bảo thoát nước theo chế độ tự chảy;

- Khu vực xây mới trên nền đất ruộng cao độ trung bình +15,5m;

c) *Thoát nước*: Thiết kế hệ thống thoát nước nữa riêng cho khu vực dân cư cũ. Đối với khu dân cư mới, giai đoạn đầu khi mật độ xây dựng còn thấp sử dụng hệ

thống thoát nước nửa riêng, giai đoạn dài hạn xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn cho nước mưa và nước thải sinh hoạt.

* *Hệ thống thoát nước mưa*: Toàn thị trấn được phân thành 3 lưu vực thoát nước.

- *Lưu vực I*: Phía Tây Bắc thị trấn, thoát theo hướng Đông - Tây vào mương tiêu thôn Tiên Trại, sau đó thoát vào hệ thống tiêu của xã Quang Tiến.

- *Lưu vực II*: Là phần diện tích kẹp giữa lưu vực I và III, hướng thoát chính theo hướng Bắc Nam, tiêu vào hệ thống thủy lợi của xã Liên Sơn.

- *Lưu vực III*: Phía Đông đường tỉnh 389 kéo dài, thuộc khu vực đồi phía Đông thị trấn, thoát theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Tiêu vào mương thủy lợi của xã Liên Sơn.

Đường ống thoát nước sử dụng cống hộp (*hiện có*), mương xây hờ, cống tròn BTCT đường kính cống từ D600 đến D1200.

* *Hệ thống thoát nước thải*: Toàn bộ thị trấn được xây dựng 02 trạm xử lý nước thải:

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất $1.450 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ đặt phía Tây Nam thị trấn. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại trong các công trình được xả ra các tuyến cống thoát nước thải của đô thị có đường kính D300-D400 và tự chảy về các trạm bơm chuyển tiếp, sau đó bơm về trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị, được xử lý theo sơ đồ sau:

Bể tự hoại → Cống thu nước thải → Trạm bơm nước thải → Trạm làm sạch nước thải → Xả ra hệ thống thoát nước chung

- Trạm xử lý nước thải công nghiệp, công suất $260 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, phục vụ cho cụm công nghiệp, nước thải công nghiệp sau khi xử lý đảm bảo tiêu chuẩn được xả ra kênh tiêu thoát nước.

d) *Cấp nước*:

Tổng nhu cầu dùng nước toàn thị trấn đến năm 2030 là: $2.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

Giai đoạn đầu vẫn tiếp tục sử dụng nhà máy nước của thị trấn Nhã Nam hiện nay. Trong tương lai khi nguồn nước ngầm không còn đủ cung cấp cho thị trấn, nâng công suất nhà máy nước đập sông Sỏi từ $5000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ hiện nay lên $10.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ để cung cấp nước cho cả thị trấn Nhã Nam, thị trấn Cầu Gồ, thị trấn Mỏ Trạng, xã Tam Hiệp, xã Tân Hiệp và các xã lân cận.

Xây dựng 01 trạm bơm tăng áp công suất $2.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ để lấy nước từ nhà máy nước Tam Hiệp qua tuyến ống dẫn nước D250, trực tiếp cấp nước cho đô thị. Đường ống cấp nước đô thị có đường kính từ $\varnothing 90 \text{ mm}$ - $\varnothing 200 \text{ mm}$, được đi ngầm chôn dưới hè đường ở độ sâu từ 0,5m-0,7m.

e) *Cấp điện*:

Nguồn điện cấp cho thị trấn là trạm 110/22kV Tân Yên công suất $1 \times 40 \text{ MVA}$ trong giai đoạn dài hạn sẽ bổ sung thành 02 máy để đảm bảo nhu cầu dùng điện.

Giai đoạn trước mắt khi chưa xây dựng trạm 110/22kV Tân Yên, nguồn điện của thị trấn vẫn lấy từ trạm 35/10kV công suất $2 \times 1800 \text{ KVA}$ qua lưới 35kV và 10kV. Giai đoạn dài hạn khi xây dựng hoàn thành trạm 110/22kV Tân Yên, thị trấn sẽ được cấp điện bằng lưới 22kV mạch kép từ trạm về thị trấn, các trạm 35/10kV sẽ được cải tạo thành trạm phân phối 22kV, các trạm lưới 10/0,4kV hiện có của thị trấn cải tạo thành trạm 22/0,4kV.

- Tổng nhu cầu dùng điện của thị trấn:
- Giai đoạn đầu đến năm 2020 là 2.165kw
 - Giai đoạn dài hạn đến năm 2030 là 6.983kw
- + *Lưới hạ áp 0,4kV:*
- Mạng lưới 0,4kV hiện có tại các tuyến liên thôn vẫn giữ nguyên; cải tạo các tuyến điện sinh hoạt 0,4kV.
 - Các tuyến 0,4kV có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện.
- + *Lưới chiếu sáng:*
- Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng; tất cả các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4m đều được chiếu sáng.
 - Các trục đường trung tâm, đường xây dựng mới các tuyến chiếu sáng được bố trí đi ngầm
- g) *Quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:*
- *Chất thải rắn:* Được thu gom và đưa về khu xử lý CTR đặt tại đồi Cành Sung có quy mô 1,0ha. Trong tương lai sẽ xây dựng 01 khu xử lý CTR tập trung tại xã Cao Xá cách trung tâm thị trấn Nhã Nam khoảng 7 km về phía Nam, quy mô khoảng 5-7 ha, để phục vụ cho liên đô thị trong đó có thị trấn Nhã Nam.
 - *Nghĩa trang:* Quy hoạch nghĩa trang của thị trấn trên vị trí hiện có tại khu vực đồi Cành Sung quy mô 2,9ha trong giai đoạn trước mắt, giai đoạn lâu dài thị trấn sử dụng nghĩa trang liên đô thị của huyện Tân Yên; khoanh vùng đóng cửa, không cho phát triển các nghĩa trang hiện có không đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường an toàn tới khu dân cư.
- h) *Đánh giá môi trường chiến lược:*

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, việc đầu tư xây dựng thị trấn Nhã Nam không chỉ nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần, cảnh quan, môi trường cho nhân dân mà còn là động lực thúc đẩy kinh tế toàn huyện Tân Yên phát triển.

7. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng:

- Cải tạo chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thoát nước, chiếu sáng đường, cấp nước...) các khu dân cư hiện trạng;
- Cải tạo nâng cấp công trình y tế, giáo dục;
- Xây dựng hạ tầng cụm dịch vụ thương mại;
- Xây dựng giai đoạn 1 khu trung tâm hành chính mới của thị trấn;
- Xây dựng chợ thị trấn Nhã Nam;
- Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao thị trấn giai đoạn 1;
- Xây dựng một số khu dân cư dọc ĐT 398 và 294;

8. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 198/BC-SXD ngày 29/12/2012 của Sở Xây dựng.

Điều 2. UBND huyện Tân Yên có trách nhiệm công bố, quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CN.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PTC UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LDVP, TH, TKCT,
 - + TPKT, GT, KTN, XD, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn